

Tập 52

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu mươi bảy, đoạn thứ hai của phần Giáo Khởi Nhân Duyên.

(Huyền Nghĩa) Nhị, đặc u vô lượng pháp môn xuất thắng phương tiện giả, nhập đạo đa môn, bốn vô giản trạch, hiểm di khúc trực, nan dị du phân, tắc vô lượng môn trung, Niệm Phật nhất môn, tối vi phương tiện. Lược trần hữu tứ: Nhất, bất trị Phật thế, đắc thường kiến Phật phương tiện. Nhị, bất đoạn Hoặc nghiệp, đắc xuất luân hồi phương tiện. Tam, bất tu dư hạnh, đắc Ba La Mật phương tiện. Tứ, bất kinh đa kiếp, đắc tột giải thoát phương tiện.

(玄義)二、特於無量法門出勝方便者，入道多門，本無揀擇，險夷曲直，難易攸分，則無量門中，念佛一門，最為方便。略陳有四：一不值佛世，得常見佛方便；二不斷惑業，得出輪迴方便；三不修餘行，得波羅密方便；四不經多劫，得疾解脫方便。

(Huyền Nghĩa: Hai, “đặc biệt trong vô lượng pháp môn nêu ra phương tiện thù thắng”: Có nhiều môn để vào đạo, vốn không chọn lựa, nhưng chia ra thành [các đường lối] hiểm trở, thông suốt, cong, thẳng, khó, dễ rất khác nhau, nên trong vô lượng môn, một môn Niệm Phật là thuận tiện nhất. Nêu đại lược thì có bốn điều như sau: Một, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] dù không gặp lúc Phật tại thế mà vẫn thường được thấy Phật. Hai, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà vẫn thoát luân hồi. Ba, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] chẳng tu các hạnh khác, mà đắc Ba La Mật. Bốn, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] chẳng trải nhiều kiếp, mau được giải thoát).

Đây là nhân duyên thứ hai khiến đức Phật nói kinh này. Tuy Phật pháp có rất nhiều pháp môn, có thể nói chúng đều là pháp phương tiện, nhưng trong các pháp phương tiện, phương pháp [Niệm Phật] này là pháp môn phương tiện thù thắng nhất. Pháp này rốt ráo thù thắng như thế nào? Tiếp đó, Ngài nêu ra bốn điều. Bốn điều này quả thật là bốn thứ chẳng thể nghĩ bàn. Vừa mở đầu, Ngài bèn nói theo Lý: “*Nhập đạo đa môn, bốn vô giản trạch*” (Có nhiều môn để vào đạo, vốn không chọn lựa). Tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều bình đẳng, môn nào cũng đều có

thể chứng Vô Thượng Đạo, cho nên nói: Pháp môn bình đẳng, không hai, không khác!

(Diễn) Nhập đạo đa môn giả, như Lăng Nghiêm, nhị thập ngũ nhân các thuyết Viên Thông phương tiện.

(演) 入道多門者，如楞嚴，二十五人各說圓通方便。

(Diễn: “Có nhiều môn để nhập đạo”: Như trong kinh Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị [thánh giả], mỗi vị đều nói phương tiện Viên Thông).

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật hỏi các vị Bồ Tát rốt ráo dùng phương pháp nào tu hành để chứng quả, ngay khi ấy, hai mươi lăm vị Bồ Tát, mỗi vị đều nói ra phương pháp tu hành chứng quả của mình, nhưng mỗi một vị đều nói pháp môn của mình là bậc nhất. Vì thế, không có thứ hai, môn nào cũng là bậc nhất! Hai mươi lăm vị Bồ Tát này tượng trưng cho vô lượng pháp môn do đức Phật đã nói. Có sao vô lượng pháp môn chỉ có hai mươi lăm vị Bồ Tát đại diện? Quy nạp vô lượng pháp môn thành hai mươi lăm loại; hai mươi lăm loại ấy gồm sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại. Gộp chung tất cả các pháp môn, nói chung chẳng ngoài hai mươi lăm loại lớn này, tức là mười tám giới cộng thêm bảy đại. Vì thế, [hai mươi lăm pháp Viên Thông] đại diện cho tám vạn bốn ngàn pháp môn. Vô lượng pháp môn, môn nào cũng đều có thể nhập đạo, môn nào cũng là bậc nhất. Nói theo Lý, pháp môn thật sự bình đẳng, chẳng cần phải chọn lựa, chẳng cần chọn lọc. Nói theo Sự, do căn tánh của chúng ta khác nhau, cho nên phải chọn lựa. Vì thế, nói “hiểm di khúc trực, nan dị du phân” (chia ra hiểm trở, thông suốt, cong, thẳng, khó, dễ rất khác nhau), đạo lý ở chỗ này.

Có những pháp môn rất khó tu học, người bình thường chẳng thể tu học được. Có những pháp môn tu học dễ dàng hơn. Dẫu dễ dàng, nhưng nói thật ra, căn tánh của mỗi người vẫn khác nhau. Ví như có người thích niệm Phật, suốt ngày từ sáng đến tối Phật hiệu liên tục không gián đoạn, người ấy niệm rất hoan hỷ. Có kẻ chẳng thích niệm Phật, niệm một chút bèn gián đoạn. Quý vị bảo họ tụng niệm khóa tụng sáng tối, niệm một tiếng rưỡi đồng hồ thì họ niệm được! Quý vị bảo họ suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, họ chẳng làm được! Đủ thấy căn tánh khác nhau. Có những người thích tụng kinh, càng tụng càng thấy thú vị. Tụng kinh thì được, cả ngày tụng suốt mười tiếng đồng hồ cũng chẳng mệt, chẳng chán; nhưng bảo họ niệm Phật, niệm một tiếng đồng hồ bèn ngủ gục. Căn tánh của mỗi

người khác nhau, do vậy mà pháp môn này có khó, dễ! Đủ thấy khó hay dễ chẳng phải do chính pháp môn! Chính vì như thế, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức bảo chúng ta: Nhất định phải chọn lựa [pháp môn] phù hợp căn tánh và sự ưa thích của chính mình. Thế nhưng chọn lựa thì chúng ta thường là chưa thâm nhập toàn bộ Phật pháp, chưa thể liễu giải, pháp môn nhiều ngàn ấy, chọn pháp môn nào mới là tốt đẹp đây? Nếu mỗi pháp môn đều thử, thử xong rồi sẽ quay lại chọn lựa, sợ rằng đầu chúng ta sống đến hai trăm năm vẫn thử chưa xong! Đây cũng là một vấn đề khó khăn trong thực tế. Chúng ta không có thọ mạng dài lâu như vậy, không có thời gian dài như vậy, há chẳng làm lỡ đại sự của chính mình ư? Vì thế, Phật, Bồ Tát phải chọn lựa thay cho chúng ta.

Tuy dạy chúng ta pháp môn này, nhưng trong pháp môn này còn có phương tiện, ví như vừa mới nói đến niệm Phật, niệm Phật có bốn loại: Trì Danh, Quán Tưởng, Quán Tượng, Thật Tướng. Có bốn loại lớn. Trong mỗi một loại, lại có rất nhiều phương tiện, thật sự là “*đại khai phương tiện môn*” (mở rộng cửa phương tiện)! Chỗ thù thắng của pháp môn này được nêu ra trong bốn điều kế tiếp, tức là bốn món chẳng thể nghĩ bàn. Món thứ nhất là “*bất tri Phật thế, đắc thường kiến Phật phương tiện*” (phương tiện chẳng gặp lúc đức Phật tại thế mà thường được thấy Phật). Học Phật mà nếu chẳng gặp Phật, rất khó thành tựu!

(Diễn) *Bất tri Phật thế, vị Thích Ca dĩ quá.*

(演) 不值佛世，謂釋迦已過。

(Diễn): “*Chẳng gặp Phật tại thế*”, ý nói: *Phật Thích Ca đã diệt độ*).

Thích Ca Mâu Ni Phật đã không còn ở trên đời, đã diệt độ.

(Diễn) *Từ Thị vị lai.*

(演) 慈氏未來。

(Diễn): *Di Lặc Phật chưa giáng thế*).

“*Từ Thị*” là Di Lặc Phật, Ngài còn chưa xuất thế. Trong Di Lặc Hạ Sanh Kinh, đức Phật bảo chúng ta: Năm mươi sáu ức vạn năm sau, Di Lặc Bồ Tát mới giáng sanh, thời gian ấy khá dài. Di Lặc Bồ Tát còn chưa giáng sanh; do vậy, hiện thời chúng ta chẳng có cơ hội gặp Phật.

(Diễn) *Đắc thường kiến Phật hữu tam nghĩa.*

(演) 得常見佛有三義。

(Diễn): “Thường được thấy Phật” có ba ý nghĩa).

Thế nhưng tu pháp môn này có thể thấy Phật, trong ấy có ba ý nghĩa.

(Diễn) Nhất, lâm chung chi tế, Phật lai tiếp dẫn.

(演) 一、臨終之際，佛來接引。

(Diễn): Một, lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn).

Quý vị thấy Phật, nhất định thấy Phật đến dẫn quý vị về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Gần đây nhất, khi lão pháp sư Quảng Khâm vãng sanh, thấy Tây Phương Tam Thánh dẫn các vị thượng thiện nhân trong thế giới Tây Phương đến tiếp dẫn Ngài vãng sanh, đó là “*thấy Phật*”.

(Diễn) Nhị, dĩ sanh chi hậu, thường kiến Di Đà.

(演) 二、已生之後，常見彌陀。

(Diễn): Hai, là sau khi đã vãng sanh, thường gặp Phật Di Đà).

Sau khi quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hằng ngày gặp Phật. Không chỉ thấy A Di Đà Phật, mà chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới đều thường gặp gỡ. Trong kinh nói rất rõ ràng, người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có thói quen mỗi sáng sớm đều đi lễ Phật, lễ bao nhiêu vị Phật? Lễ mười vạn ức Phật! Lại thưa cùng quý vị: Mỗi ngày lễ mười vạn ức Phật khác nhau. Phật vô lượng vô biên, mỗi ngày lễ mười vạn ức, do vậy, họ có thể gặp vô lượng Phật. Duy nhất pháp môn này mới có phương tiện thù thắng ấy, học các pháp môn khác sẽ không có cách nào thấy Phật nhiều ngàn ấy, rất khó thành tựu trong một đời!

(Diễn) Tam, Thiền Quán chi trung, đắc睹 thánh tướng.

(演) 三、禪觀之中，得睹聖相。

(Diễn): Ba, là trong lúc Thiền Quán, được thấy hình tướng của chư thánh).

Quý vị phải nhớ: Nói “*Thiền Quán*” chẳng phải là bảo quý vị tham Thiền! Thiền Quán là nhất tâm, khi trong tâm thanh tịnh, quý vị niệm Phật đến mức tâm thanh tịnh, niệm đến mức nhất tâm; khi ấy, quý vị cũng thấy

Phật, thấy Bồ Tát. Rất nhiều vị đồng tu chúng ta có được cảnh giới như vậy, còn có rất nhiều vị đồng tu tự mình thật sự thấy Phật, thấy Bồ Tát, họ mới tin tưởng. Vì thế, tâm thanh tịnh mới có cảm ứng với Phật, nhất tâm bất loạn là Thiên Định vô thượng rất sâu, chúng ta cần phải hiểu điều này. Đây là điều chẳng thể nghĩ bàn thứ nhất.

Thứ hai là “*bất đoạn Hoặc nghiệp, đắc xuất luân hồi phương tiện*” (phương tiện chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà có thể thoát luân hồi).

(Diễn) *Bất đoạn Hoặc phương tiện giả, như Tiểu Thừa tất đoạn tận Kiến Tư, phương xuất tam giới.*

(演) 不斷惑方便者，如小乘必斷盡見思，方出三界。

(Diễn: “*Phương tiện chẳng đoạn Hoặc*”: Như Tiểu Thừa ắt phải đoạn hết Kiến Tư phiền não thì mới ra khỏi tam giới).

Đây là nói về thánh nhân Tiểu Thừa. Tứ Quả A La Hán nhất định phải đoạn sạch Kiến Tư phiền não rồi mới có thể vượt thoát tam giới, vượt thoát lục đạo. Nếu đoạn sạch Kiến Tư phiền não thì nói thật ra, chắc chắn là phạm phu chẳng thể thực hiện trong một đời được! Đừng nói Kiến Tư phiền não, bất cứ một điều nào trong Kiến Hoặc cũng đều chẳng dễ gì đoạn trừ trong một đời!

Đôi với Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến, quý vị có thể đoạn sạch sành sanh bất cứ một thứ nào trong một đời, quả thật chẳng dễ dàng! Nói cách khác, quý vị tu các pháp môn khác, tu những pháp Tiểu Thừa, có thể thoát tam giới, liễu sanh tử hay chẳng? Chẳng thể nào!

(Diễn) *Đại Thừa nhân trực chí mạng căn đoạn tận, nghiệp thức khô can, thí xuất sanh tử.*

(演) 大乘人直至命根斷盡，業識枯乾，始出生死。

(Diễn: Người Đại Thừa thì mãi cho đến khi mạng căn đoạn sạch, nghiệp thức khô ran, mới ra khỏi sanh tử).

Điều kiện này chẳng khác người Tiểu Thừa. Lấy Viên Giáo để nói thì Bồ Tát thuộc địa vị Thất Tín đã đoạn sạch Kiến Tư phiền não, nghiệp thức khô khan, vượt thoát tam giới. Địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo có mức độ đoạn Hoặc tương đương với quả Tu Đà Hoàn bên Tiểu Thừa, tức là bằng với Sơ Quả. Sơ Tín Bồ Tát của Viên Giáo bằng với Sơ Quả trong Tiểu Thừa. Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo bằng với Tứ Quả trong Tiểu Thừa. Quý vị biết [để đạt tới những quả vị ấy] thật sự khó khăn,

chẳng dễ dàng! Sơ Quả thánh nhân có hai điều đảm bảo: Thứ nhất là đảm bảo không đọa trong tam ác đạo, đảm bảo thứ hai là sanh trong cõi trời cõi người bảy lần rồi sẽ nhất định chứng quả A La Hán. Thế nhưng con người trong thế gian thọ mạng ngắn ngủi, cõi trời thọ mạng lâu dài, thời gian ấy tính ra đều là những con số thiên văn. Vì thế, chúng ta cần phải hiểu rõ, phải thấu triệt, liễu sanh tử xuất tam giới chẳng hề dễ dàng!

(Diễn) Cổ vân: “Hào ly hệ niệm, tam đồ nghiệp nhân, miết nhĩ tình sanh, vạn kiếp ky tóa”.

(演)故云毫釐繫念，三途業因，瞥爾情生，萬劫羈鎖。

(Diễn: Cho nên nói: “Mấy may hệ niệm là nghiệp nhân trong tam đồ, tình sanh trong chớp mắt, ràng buộc vạn kiếp”).

Chúng ta phải đọc bài kệ này nhiều lần, phải học thuộc. Mười sáu chữ này đơn giản, nhưng đã nói lên căn bản sanh tử luân hồi. Vì sao quý vị chẳng thể thành tựu? Phía trên đã nói “*pháp môn bình đẳng, không có cao hay thấp*”, chẳng sai! Cái gốc bệnh khiến cho quý vị chẳng thể thành tựu là ở chỗ này. Nói theo cách bây giờ, “*hệ niệm*” là trong tâm quý vị vướng mắc, quý vị chỉ có tư hào vướng mắc, sẽ chẳng ra khỏi lục đạo. Chẳng ra khỏi lục đạo, sẽ phần nhiều ở trong tam đồ, ít khi sanh trong tam thiện đạo. Chuyện này rất phiền phức. Khi nào tâm quý vị mới chẳng có vướng mắc gì? Người học Phật chúng ta phải dè chừng sâu xa!

Chúng ta học Phật nhằm mục đích nào? Cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, nhằm mục tiêu ấy. Đã là cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, những chuyện chẳng liên can với Tây Phương Tịnh Độ đều buông xuống hết. Không chỉ buông xuống pháp thế gian, mà pháp Đại Thừa, pháp Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo đều buông xuống hết. Đây mới là thật sự tin tưởng. Kinh chỉ niệm một bộ. Nói thật ra, một bộ kinh là đủ rồi. Pháp môn là một câu A Di Đà Phật, niệm một rồi bèn đọc kinh, đọc một rồi bèn niệm Phật. Đây là đại sự duy nhất của chúng ta trong một đời, như vậy thì mới có thể vãng sanh. Đây mới gọi là “lòng tin chân thành, nguyện thiết tha”, nhất định vãng sanh. Chúng ta hãy suy nghĩ xem những chuyện vướng mắc trong bụng dạ có quét sạch được hay không?

“*Miết nhĩ tình sanh, vạn kiếp ky tóa*” (Tình sanh trong chớp mắt, ràng buộc vạn kiếp): Tóa (鎖: xiềng) là hình cụ (dụng cụ để tra tấn), là một loại gông cùm, còng tay, xiềng chân, đây là tỷ dụ. Ngay cả trong một thời gian cực ngắn, sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài

bền khởi lên vọng niệm. “*Tình sanh*” là khởi ý niệm, dấy vọng niệm. Câu trước là nói lúc sáu căn chưa tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, chính mình khởi vọng tưởng, tập khí phiền não, vướng mắc trong lòng chưa buông xuống được! Hai câu sau là nói khi quý vị đối cảnh nầy sanh tình thức, cũng là đối trước cảnh dấy lên ý niệm. Trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy chúng ta: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*” (chẳng giữ lấy tướng, như như bất động). Như như bất động là nói tới hai câu trên [trong bài kệ ở đây], chân tâm của chính mình thanh tịnh, vướng mắc gì cũng chẳng có, chẳng động tâm. Hai câu kệ sau là chẳng chấp tướng. Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm, như vậy mới là đúng! Nếu nói “ngoài chấp tướng, bên trong động tâm”, đấy chính là căn bản của luân hồi trong tam đồ lục đạo, chúng ta không có cách nào thoát lìa được! Phương pháp Niệm Phật nói “đới nghiệp vãng sanh”, chính là nói “*chẳng đoạn Hoặc nghiệp*”, chưa đoạn được những thứ này! Tuy chưa đoạn nhưng phải thế nào? Phải chế phục nó!

(Diễn) *Kim thử niệm Phật, dẫn năng phục vọng, tức đắc vãng sanh cố.*

(演) 今此念佛，但能伏妄，即得往生故。

(Diễn: *Nay pháp niệm Phật này, chỉ cần khuất phục vọng niệm, liền được vãng sanh).*

Chế phục vọng niệm, chúng ta làm được điều này. Muốn đoạn trừ nó, quả thật chẳng dễ dàng! Chính mình thật sự nỗ lực một chút, sẽ có thể chế phục Hoặc nghiệp. Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm, tạm thời chế ngự, tạm thời “*chẳng chấp tướng, chẳng động tâm*” thì làm được, như vậy là có thể đới nghiệp vãng sanh. Pháp môn này so với các pháp môn khác thật sự thuận tiện hơn ở chỗ này, hết sức khó có!

“*Bất tu dư hạnh, đắc Ba La Mật phương tiện*” (là phương tiện chẳng tu các hạnh khác mà đắc Ba La Mật). Ba La Mật (Pāramitā) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*công đức viên mãn*”.

(Diễn) *Bất tu dư hạnh phương tiện giả, như Bồ Thí, tất tu tam luân không tịch.*

(演) 不修餘行方便者，如布施，必須三輪空寂。

(Diễn: “*Phương tiện chẳng tu các hạnh khác*”: Như Bồ Thí ắt cần phải tam luân không tịch).

Đây mới là Bồ Thí Ba La Mật, tức là Bồ Thí Độ viên mãn.

(Diễn) Trì Giới, tắc bất khuyết, bất phá.

(演) 持戒，則不缺不破。

(Diễn: Trì Giới thì chẳng thiếu sót, chẳng phá giới).

Trì Giới nhất định phải chẳng thiếu sót, chẳng phá giới thì Trì Giới mới là viên mãn.

(Diễn) Nãi chí tùy Định cụ túc, phương viết Ba La Mật.

(演) 乃至隨定具足，方曰波羅密。

(Diễn: Cho đến Định phải đầy đủ thì mới gọi là Ba La Mật).

Trong Lục Độ chỉ nêu lên hai điều, sau đó còn có Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định và Bát Nhã, muốn thực hiện viên mãn thứ nào cũng đều chẳng dễ dàng!

(Diễn) Thành phi dị tu dã.

(演) 誠非易修也。

(Diễn: Thật chẳng dễ tu vậy!)

Nay chúng ta nói tới tu Lục Độ, mỗi một điều chỉ có thể thực hiện được một hai phần trong ngàn vạn phần mà thôi, không có cách nào thực hiện viên mãn. Tu thành tựu rất khó khăn, nhưng đối với pháp môn này thì...

(Diễn) Kim tư niệm Phật, bất xuất nhất tâm, vạn hạnh cụ túc cố.

(演) 今茲念佛，不出一心，萬行具足故。

(Diễn: Nay pháp niệm Phật này chẳng ra ngoài nhất tâm, mà muôn hạnh đầy đủ).

Điều này chẳng thể nghĩ bàn! Dùng một câu A Di Đà Phật, nếu quý vị niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì Lục Độ vạn hạnh thấy đều viên mãn, chẳng cần phải tu những hạnh khác. Tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng cần phải tu trọn, một môn này đầy đủ hết thấy các pháp môn; đây là điều chẳng thể nghĩ bàn thứ ba.

Điều thứ tư là “*bất kinh đa kiếp, đắc tột giải thoát phương tiện*” (là phương tiện chẳng cần trải nhiều kiếp, mà mau chóng đạt giải thoát). “*Tật*” (疾) là mau chóng, chúng ta xem lời chú giải của đoạn này.

(Diễn) *Y dư pháp tu, thiên sanh luyện tánh, bách kiếp điều tâm, phương đắc giải thoát.*

(Động) 依餘法修，千生煉性，百劫調心，方得解脫。

(Diễn: *Nương theo pháp khác để tu thì ngàn đời luyện tánh, trăm kiếp điều phục cái tâm, mới hòng giải thoát).*

Đây là nói về các pháp môn thông thường. Quý vị tu các pháp môn khác, thời gian dài lắm! Thông thường, trong kinh Tiểu Thừa, đức Phật nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp, nhưng trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói là vô lượng kiếp. Luận theo phía phàm phu chúng ta, để tu thành Phật phải trải qua một thời gian rất dài. Dù đã thành Phật rồi, kinh còn nói: Bồ Tát tu thành Vô Thượng Đạo còn phải dùng một trăm kiếp để tu tướng hảo, tu phước, vì sao? Thiếu phước báo sẽ chẳng thể độ chúng sanh, vẫn phải đặc biệt dùng thời gian một trăm kiếp để tu phước như vậy mới hòng phổ độ chúng sanh.

(Diễn) *Thiền môn tuy vân nhất sanh liễu đạo, diệt nãi đa kiếp huân tu.*

(Động) 禪門雖云一生了道，亦乃多劫熏修。

(Diễn: *Thiền môn tuy nói liễu đạo trong một đời, vẫn là nhiều kiếp huân tu).*

Thiền và Mật đều giống nhau, Mật Tông nói “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay nơi thân này), nhà Thiền nói “*nhất sanh liễu đạo*”, chẳng phải là trong một đời mà tu thành! Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ người ấy đều tu, đời này thành thực nên mới có thể thành tựu! Đời quá khứ không có cơ sở thiện căn sâu dày, chỉ dựa vào sự huân tu trong đời này, sẽ chẳng thể thành công. Trong lịch sử Thiền Tông Trung Quốc, người thành tựu cao nhất là Lục Tổ đại sư. Trong lịch sử Thiền Tông Trung Quốc, không có một vị tổ sư [Thiền Tông] nào có thể sánh bằng Ngài. Một đời Ngài độ người thành tựu có bốn mươi ba người minh tâm kiến tánh đại triệt đại ngộ, chẳng phải là ai cũng đều có thể thành tựu. Lục Tổ trụ tại chùa Nam

Hoa¹ ba mươi bảy năm, khi ấy, chùa có tên là Bảo Lâm, suốt đời Ngài chẳng lìa khỏi đạo tràng ấy. Ba mươi bảy năm dạy học, chẳng biết có bao nhiêu người tu theo, người thành tựu mới chỉ là bốn mươi ba vị. Há có phải là ai cũng có phần ư? Do vậy, phải hiểu rằng: Bốn mươi ba vị ấy đều đã nhiều kiếp huân tu, nhân duyên chín muồi trong hội của đại sư nên mới đắc độ. Chẳng phải là hạng phàm phu lè tè sát đất mà hồng thành tựu!

Nhưng pháp môn Niệm Phật này thật sự khác hẳn! Chúng ta thấy Huệ Viễn đại sư thời Tấn là người đầu tiên đề xướng pháp môn Niệm Phật. Ngài lập liên xã tại Lô Sơn tỉnh Giang Tây, trên thực tế là một cái am tranh, có một trăm hai mươi ba người cùng tu, ai nấy đều vãng sanh. Một trăm phần trăm thành tựu! Những người thành tựu nơi Lục Tổ đại sư có thể nói là thành tựu một phần vạn, trong một vạn người chỉ có một người [thành tựu], nhưng Lô Sơn Liên Xã của Viễn Công là một trăm phần trăm thành tựu, không ai chẳng thành tựu. Nhìn từ chỗ này, khó và dễ rành rành! Tu pháp môn này, chắc chắn có thể thành tựu; tu các pháp môn khác, chưa chắc đã có thể thành tựu, tùy thuộc vào thiện căn, phước đức, và nhân duyên của quý vị trong quá khứ. Tiếp đó, Ngài dẫn lời Vĩnh Gia đại sư:

(Diễn) Như Vĩnh Gia vân.

(演) 如永嘉云。

(Diễn: Như ngài Vĩnh Gia nói).

Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói về chính mình.

(Diễn) “Ngô tảo tăng kinh đa kiếp tu, bất thị đẳng nhàn sanh cuồng hoặc”, thị dã.

¹ Chùa Nam Hoa thuộc thành phố Thiệu Quan, tỉnh Quảng Đông, nằm bên bờ sông Tào Khê. Chùa này do Tam Tạng Trí Dục khai sơn vào năm Thiên Giám nguyên niên (502) đời Lương, đến thời Lục Tổ trụ tích, hoàng dương Thiên Tông tại Tào Khê, chùa có tên là Bảo Lâm. Năm Thần Long nguyên niên (705), Đường Trung Tông hạ chiếu đổi tên chùa thành Trung Hưng Tự. Năm Thần Long thứ ba (707), lại đổi tên thành Pháp Tuyền Tự. Năm Khai Bảo nguyên niên (968) đời Tống, Tống Thái Tổ hạ chiếu đổi thành Nam Hoa Thiền Tự và chùa giữ tên này cho đến ngày nay. Chùa trải qua nhiều cơn biến động, có lúc bỏ hoang như vào cuối đời Tùy, hoặc cháy sạch như vào năm Long Sóc nguyên niên (661) đời Đường Cao Tông. Chùa tiếp tục bị cháy nhiều lần dưới đời Nguyên. Chùa được trùng tu quy mô như hiện thời do công sức của hòa thượng Hư Vân vào năm Dân Quốc 22 (1933).

(演) 吾早曾經多劫修，不是等閒生誑惑是也。

(Diễn: “Tôi đã tu qua bao nhiêu kiếp từ lâu, chẳng phải là chuyện dễ dãi mà hòng dối gạt, mê hoặc [người đời]²”, chính là nói về chuyện này).

Vĩnh Gia đại sư là một trong bốn mươi ba người [đắc độ] trong hội của Lục Tổ. Ngài tự nói: Ngài đã tu hành nhiều đời nhiều kiếp, chẳng phải là hạng người ơ hờ, chẳng phải là trong một đời này, mà là tu hành nhiều đời nhiều kiếp. Nói cách khác, bất cứ pháp môn nào khác đều là tu nhiều đời nhiều kiếp, chẳng hề nói “thành tựu trong một đời!” Thật sự nói “thành tựu trong một đời” chỉ có pháp môn này. Điều này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, mà cũng là “pháp khó tin” được nhắc đến một lần nữa trong kinh này.

(Diễn) Kim tư niệm Phật, đản xưng niệm Di Đà, tật đặng bỉ ngạn cố.

(演) 今茲念佛，但稱念彌陀，疾登彼岸故。

(Diễn: Nay pháp Niệm Phật này chỉ xưng niệm Di Đà bèn mau chóng lên bờ kia).

Đây là pháp môn phương tiện cầu được giải thoát nhanh chóng nhất. Nói thật ra, bất cứ một pháp môn nào cũng đều chẳng nhanh hơn pháp môn này, bất cứ một pháp môn nào cũng đều chẳng thể ổn thỏa, thích đáng

² Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích của lão pháp sư Tràm Sơn Đàm Hư trong bài Vĩnh Gia Huyền Giác Thiền Sư Chứng Đạo Ca Lục Giải. Lão pháp sư Đàm Hư giảng như sau: “Hoặc thị hoặc phi nhân bất thức, nghịch hành, thuận hạnh thiên mạc trắc. Ngô tảo tăng kinh đa kiếp tu, bất thị đặng nhàn tương cuống hoặc: Trên thế giới dù đúng hay sai, không gì chẳng phải do sức Bát Nhã, nhưng nhân gian đều chẳng biết. Còn đối với thuận hạnh hay nghịch hạnh, dù bậc cao nhân trên cõi trời cũng chẳng suy lường được. Thiên thượng nhân gian đều chẳng thể nhận biết suy lường thì tôi là một ông Tăng nghèo hèn, làm sao có thể nhận biết, suy lường được? Cần phải biết Phật pháp, chẳng do đông người, cũng chẳng vì cao quý, mà chỉ do tin tưởng, ngưỡng vọng chân thật. Nhiều đời, nhiều kiếp huân tập, mới có thể tự liễu giải thấu triệt. Tôi nay đã liễu giải là do đã từng tu hành nhiều kiếp trong quá khứ. Đây không phải là chuyện dễ dãi, lơ mơ mà toan đem chuyện này dối gạt, mê hoặc người đời. Đây là chuyện kiến lập đạo tràng, há phải là chuyện phù phiếm ư?” Cũng xin lưu ý là các bản Chứng Đạo Ca đang lưu hành đều chép là “bất thị đặng nhàn, **tương** cuống hoặc”, riêng sách Diễn Nghĩa chép là “bất thị đặng nhàn, **sanh** cuống hoặc” (có lẽ là do lỗi ấn loát).

hơn pháp môn này. Pháp môn này ôn hòa, thích đáng, viên đôn, thẳng chóng, nhanh lẹ. Đối với chúng ta mà nói, quả thật là pháp môn bậc nhất!

(Sớ) *Pháp môn giả, đạo thể u huyền, tông môn thử nhập, vị môn bất đồng, cố vân vô lượng.*

(疏) 法門者，道體幽玄，從門始入，為門不同，故云無量。

(Sớ: “Pháp môn”: Đạo thể sâu xa, huyền diệu, từ cửa mà bắt đầu tiến vào. Do cửa vào khác nhau, nên nói là “vô lượng”).

Trước hết giải thích chữ “*pháp môn*”, rồi nói số lượng của pháp môn quả thật quá nhiều. Pháp là gì? Môn là gì? Xin hãy xem chú giải.

(Diễn) *Pháp môn giả, quý sanh vật giải viết “pháp”, thánh trí thông du viết “môn”.*

(演) 法門者，軌生物解曰法，聖智通游曰門。

(Diễn: “Pháp môn”: Tuân theo sẽ khiến cho hữu tình chúng sanh nảy sanh sự hiểu biết thì gọi là “pháp”; nhờ đó mà thông đạt trí của chư thánh thì gọi là “môn”).

Đây là định nghĩa của hai chữ “*pháp môn*”. Quý vị phải nhớ, trong tương lai, bất luận quý vị đọc kinh luận nào, chỉ cần thấy chữ “*pháp môn*” đều hiểu theo cách giảng ở đây, không có cách giải thích thứ hai. “*Quỹ*” (軌) là quy tắc, có nghĩa là “*quỹ đạo*”, nay chúng ta thường gọi là “nguyên lý, nguyên tắc”. Chữ “*vật*” (物) chỉ hữu tình chúng sanh. Ngài không nói “*người*”, vì nói “*người*” thì những loài chúng sanh trong thiên đạo, súc sanh, quỷ, địa ngục không có phần. Ngài nói “*vật*” thì hữu tình chúng sanh trong lục đạo đều bao gồm. Hữu tình chúng sanh trong lục đạo chiếu theo “*quỹ đạo*” này, tức là chiếu theo pháp tắc, “*quỹ*” có nghĩa là pháp tắc, phương pháp, nguyên lý, nguyên tắc, sẽ có thể sanh Giải, tức là có thể lý giải, thông hiểu, đó gọi là “*quỹ sanh vật giải*” (tuân theo quy tắc sẽ khiến cho hữu tình chúng sanh thông hiểu). Đó gọi là “*pháp*”. “*Môn*” là khai trí huệ. Quý vị từ phương pháp này mà mở mang trí huệ, đó gọi là Môn. Trí huệ ấy chẳng phải là trí huệ thông thường, mà là trí huệ của Phật, Bồ Tát; do vậy gọi là “*thánh trí*”. Chư Phật, Bồ Tát đều dựa theo phương pháp ấy để khai trí huệ, nên gọi là “*thánh trí thông du*”, “*thông*” (通) là thông đạt, thông suốt, chẳng trở ngại, đó gọi là Môn. Đây là định nghĩa

của hai chữ “*pháp môn*”. Dưới đây là lời giải thích những ý nghĩa được bao hàm [trong hai câu Sớ].

(Diễn) Đạo thể u huyền giả.

(演) 道體幽玄者。

(Diễn: “Đạo thể u huyền” là...)

Nói thật ra, chữ “*đạo*” chỉ Chân Như tự tánh của chúng ta, mà cũng là bản thể của hết thấy muôn pháp. Nói cách khác, toàn thể vũ trụ và nhân sinh, kể cả bản thân chúng ta từ đâu mà có? Từ chỗ này mà có, từ đây mà sanh. Bản thể có thể sanh, trong Phật pháp gọi [bản thể] là “*tự tánh, bản tánh*”. Bản tánh có thể sanh, nó là bản thể của đại đạo, hết thấy vạn pháp được sanh bởi nó. Cái có thể sanh (năng sanh) và những cái được sanh (sở sanh) là một, không hai. Nếu luận theo Thể thì “*năng sanh*” không có hình tướng, không có nơi chốn.

(Diễn) Đạo vô hình tướng, vô phương sở.

(演) 道無形相，無方所。

(Diễn: Đạo không có hình tướng, không có nơi chốn).

Mắt chúng ta không thấy được, tai không nghe thấy, cũng chẳng mò được, thậm chí cũng chẳng nghĩ tưởng được!

(Diễn) Bất khả thấu đạt, vô dung nghĩ nghị.

(演) 不可湊泊，無容擬議。

(Diễn: Chẳng thể nắm bắt, không thể suy tưởng, bàn luận được).

“*Bất khả thấu đạt*” là mảy may miển cưỡng cũng chẳng thể được! “*Vô dung nghĩ nghị*”: Không có cách nào suy tưởng hay bàn luận. Đó gọi là “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”. Hình dung Chân Như bản tánh như vậy đó. Thật ra, hình dung như thế nào thì cũng chẳng có cách nào hình dung cho khít khao. Chúng ta phải tự chú tâm thấu hiểu điều này.

(Diễn) Luận Ngữ vân: “Ngưỡng chi di cao, toản chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu”, thị dã.

(演) 論語云：仰之彌高，鑽之彌堅，瞻之在前，忽焉在後是也。

(Diễn: Sách Luận Ngữ có chép: “Càng ngẩng lên trông, càng thấy cao, càng khoét thì càng cứng, mới nhìn thấy đằng trước, chột ở đằng sau” là nói về ý này vậy).

Mấy câu này nhằm hình dung đạo của Không phu tử chẳng thể nghĩ bàn! Ở đây, dùng mấy câu này để tỷ dụ đạo thể; đạo thể u huyền chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Tùng môn thử nhập giả.

(演) 從門始入者。

(Diễn: “Từ cửa mà bắt đầu tiến vào” là...)

“Môn” là pháp môn, nhất định có phương pháp thì quý vị mới có thể khế nhập, quý vị mới có thể thấu hiểu.

(Diễn) Lăng Nghiêm vân: “Hốt môn thiên vương tứ dữ hoa ốc, yếu nhân môn nhập”.

(演) 楞嚴云：忽蒙天王賜與華屋，要因門入。

(Diễn: Kinh Lăng Nghiêm chép: “Chợt được vua trời ban cho căn nhà đẹp đẽ, phải do cửa để vào”).

Đây là mấy câu do ngài A Nan bạch cùng Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu chẳng tìm được cửa, sẽ không có cách nào khế nhập. Nhất định phải có đường lối thì chúng con mới có thể chứng nhập!

(Diễn): Luận Ngữ vân: “Bất đắc kỳ môn nhi nhập, bất kiến tông miếu chi mỹ, bách quan chi phú”.

(演) 論語云：不得其門而入，不見宗廟之美、百官之富。

(Diễn: Sách Luận Ngữ chép: “Chẳng tìm được cửa để vào, chẳng thấy tông miếu đẹp đẽ, trăm quan giàu có”).

Những điều này đều nhằm nói lên: Học Phật nhất định phải có đường lối. Đường lối khác nhau, nên có vô lượng vô biên [pháp môn] giống như hai mươi lăm môn Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm đã được nhắc đến trong phần trước. Có người từ sáu căn mà nhập đạo, có người từ sáu thức mà nhập đạo, có người từ bảy đại mà nhập đạo. Chẳng hạn như Quán Thế Âm Bồ Tát từ Nhĩ Căn mà nhập, Đại Thế Chí Bồ Tát từ Kiến

Đại trong bảy đại mà nhập. Bảy đại là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức. Điều này nêu rõ cửa vào nhập đạo của từng người. Pháp môn là phương pháp; phương pháp khác nhau, nhưng phải biết: Tuy phương pháp khác nhau, nhưng cảnh giới sau khi chứng nhập chẳng khác. Giống như giảng đường của chúng ta có rất nhiều cửa, bất luận quý vị theo cửa nào bước vào, cửa tuy khác nhau, nhưng bước vào sẽ thấy [bên trong] hoàn toàn giống nhau, chẳng khác! Do vậy, Phật pháp là “*phương tiện hữu đa môn, quy nguyên vô nhị lộ*” (phương tiện có nhiều môn, về nguồn không hai đường). Trở về nguồn là một, chắc chắn chẳng có sai khác. Cửa vào rất nhiều vậy!

(Sớ) *Quyền xảo tiếp dẫn, linh đặc nhập môn, danh vi phương tiện.*

(疏) 權巧接引，令得入門，名為方便。

(Sớ: *Quyền xảo tiếp dẫn khiến cho được vào cửa, gọi là phương tiện.*)

Giải thích “*phương tiện*” là gì, phạm là pháp môn thì đều gọi là “*phương tiện*”.

(Diễn) *Quyền xảo tiếp dẫn linh đặc nhập môn giả, thử môn biến nhất thiết xứ.*

(演) 權巧接引令得入門者，此門遍一切處。

(Diễn: “*Quyền biến khéo léo tiếp dẫn, khiến vào được cửa*”: Môn này trọn khắp hết thảy các nơi).

Đây là nói tới pháp môn trong Phật pháp, vô lượng vô biên pháp môn đúng là “*biến nhất thiết xứ*” (trọn khắp hết thảy mọi nơi). Sáu căn, sáu thức, sáu trần, bảy đại bao gồm hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng sót một pháp nào, quả thật là “*trọn khắp hết thảy mọi nơi*”.

(Diễn) *Đầu đầu khả nhập, pháp pháp kham quy.*

(演) 頭頭可入，法法堪歸。

(Diễn: *Thứ gì cũng đều có thể nhập, pháp nào cũng đáng về*).

Vấn đề là quý vị có biết cách sử dụng hay không. Không biết sẽ chẳng có cách nào. Phải biết sử dụng thì đúng là thứ gì cũng là đạo.

(Diễn) Cổ vân.

(演) 古云。

(Diễn: Cổ nhân nói).

Đây là mấy câu “*cơ phong*” trong nhà Thiền.

(Diễn) “*Xứ xứ lục dương kham hệ mã, gia gia hữu lộ thâu Trường An*”. Kỳ như chúng sanh bất tri, xứ xứ phùng cừ, đầu đầu thác quá dã.

(演) 處處綠楊堪繫馬，家家有路透長安，其如眾生不知，處處逢渠，頭頭錯過也。

(Diễn: “Chón chón dương xanh kham buộc ngựa, nhà nhà có lối thâu Trường An”. Nếu chúng sanh chẳng biết, thì ở đâu cũng vương mắc, đối với bất cứ chuyện gì cũng lỡ làng).

Vào thời ấy, Trường An là kinh đô. Nói thật ra, chẳng có một pháp nào không thể nhập đạo, đáng tiếc là chúng sanh chẳng tự mình nhận biết, tự mình mê hoặc, do vậy “*xứ xứ phùng cừ*”. “Cừ” (渠) là chỗ nước đọng, không vượt qua được. “*Đầu đầu thác quá*” (Chỗ nào cũng bỏ lỡ): Nhân duyên này quá tốt đẹp [mà chúng sanh luôn bỏ lỡ], đức Phật tiếp dẫn hết thảy chúng sanh đích xác là tùy cơ tiếp dẫn, hoàn toàn chẳng có phương pháp cố định. Nếu có một phương pháp cố định, lẽ nào cả đời lão nhân gia phải nói kinh nhiều ngàn ấy? Có sao Ngài phải nói ra các pháp môn nhiều ngàn ấy? Đích xác là không có một phương pháp cố định nào để nói, mà cũng không có phương pháp cố định nào để tiếp dẫn chúng sanh. Đúng là “*tùy cơ tiếp dẫn*” (tiếp dẫn thuận theo căn cơ của từng đối tượng), người nào gặp được Phật cũng đều đắc độ.

Hiện thời, chúng ta muốn bàn đến “*thắng phương tiện*” (phương tiện thù thắng, tuyệt diệu nhất) trong những pháp phương tiện. Chữ “*thắng*” là nhằm thắng vào chúng ta để nói. Nói cách khác, [pháp môn được đức Phật dạy trong kinh này] rất thích hợp hoàn cảnh hiện tiền, căn tánh và trình độ của chúng ta. Chúng ta chiếu theo phương pháp này để tu hành, trong một đời này nhất định có thành tựu. Đối với chúng ta mà nói thì pháp phương tiện này là phương tiện thù thắng.

(Sớ) *Nhi ngôn thắng giả, phương tiện trung phương tiện dã.*

(疏) 而言勝者，方便中方便也。

(Sớ: Nói “thắng” tức là [pháp này] là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện).

Đó gọi là “thắng phương tiện”.

(Sớ) Tức Quán Kinh sở vị “dị” dã.

(疏) 即觀經所謂異也。

(Sớ: Chính là như Quán Kinh gọi là “dị” (khác lạ) vậy).

Liên Trì đại sư nói đến “thắng phương tiện”, tức là như Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh gọi là “dị phương tiện” (phương tiện lạ lùng).

(Sớ) Đa môn giả, hoặc vị môn môn khả dĩ nhập đạo, hà tất niệm Phật vãng sanh.

(疏) 多門者，或謂門門可以入道，何必念佛往生。

(Sớ: “Nhiều môn”: Có kẻ nói: “Môn nào cũng đều có thể nhập đạo, sao cứ phải niệm Phật vãng sanh?”)

Người nói như vậy có thể nói là từ xưa đến nay đều có, mà còn là số đông nữa, chúng ta thường gặp họ. Học Phật, thấy Phật, cần gì cứ phải nhất định thấy A Di Đà Phật? Cầu sanh cõi Phật, có gì cứ nhất định phải sanh về Tây Phương Tịnh Độ? Thế giới của chư Phật vô lượng vô biên, có thể giới Phật nào chẳng đáng sanh về? Vì sao cứ khẳng khẳng phải sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới? Những lời ấy dường như rất hợp lý, thật ra chẳng phải, vì sao? Trong ấy có khó, dễ, sai khác rất lớn!

(Sớ) Nhi hữu dị hữu nan.

(疏) 而有易有難。

(Sớ: Nhưng các pháp môn có dễ, có khó).

Đã có khó và dễ thì phải chọn lựa!

(Sớ) Bất phương vô giản trạch trung nhi thuyết giản trạch.

(疏) 不妨無揀擇中而說揀擇。

(Sớ: Chẳng ngại gì nói “chọn lựa” trong cái “vốn không chọn lựa”).

Về Lý thì không có chọn lựa, nhưng chiếu theo căn tánh của chúng ta mà nói thì cần phải chọn lựa!

(Sớ) *Hiểm giả khi khu nan hành, khúc giả hu hồi nan đáo, dụ dư môn dã.*

(疏) 險者崎嶇難行，曲者紆迴難到，喻餘門也。

(Sớ): “Hiểm” là gập ghềnh khó đi, “khúc” là ngoắt ngoéo khó đến. [Dùng chữ “hiểm khúc”] để sánh ví các pháp môn khác).

Tỷ dụ các pháp môn khác. Lời chú giải ở đây hết sức đơn giản, nhưng ý nghĩa hết sức sâu rộng.

(Diễn) *Khi khu nan hành giả, như tiền hạo bác nan trì, u thâm vông thổ đẳng.*

(演) 崎嶇難行者，如前浩博難持，幽深罔措等。

(Diễn): “Gập ghềnh khó đi” là như trong phần trước đã nói: Mênh mông, bát ngát khó nắm giữ, sâu thẳm khó thể thực hiện v.v...)

Bất luận Hiển Giáo, Mật Giáo, kinh điển vừa nhiều, vừa khó, lại vừa sâu, chúng ta muốn lý giải, tu học, quả thật chẳng dễ dàng!

(Diễn) *Hu hồi nan đáo giả.*

(演) 紆迴難到者。

(Diễn): “Ngoắt ngoéo khó đến” là...)

Nếu quý vị không đi đường thẳng, mà đi theo con đường quanh co, vòng vèo, ngoắt ngoéo, sẽ phải qua rất nhiều đường vòng mới hòng đến nơi. Vì thế, phải trải qua thời gian rất lâu.

(Diễn) *Như Tăng-kỳ tích hạnh, khoáng kiếp cần tu đẳng.*

(演) 如僧祇積行，曠劫勤修等。

(Diễn): Như tích tập công hạnh trong A-tăng-kỳ kiếp, siêng tu bao kiếp dài lâu v.v...)

Tu học các pháp môn khác, hao phí thời gian quá nhiều.

(Sớ) *Di thảo tắc dị hành, dụ niệm Phật nhân giai khả vi.*

(疏) 夷坦則易行，喻念佛人皆可為。

(Sớ: Bằng phẳng thì dễ đi, ví như niệm Phật ai cũng có thể làm được).

“*Di thân*” (夷坦) là tỷ dụ. Tỷ dụ con đường bằng phẳng, đường to, thẳng thớm, chẳng có ngõ rẽ, quý vị không biết đường cũng có thể đến nơi. Vì sao? Chỉ có một con đường, noi theo con đường ấy mà đi, cứ đi tới phía trước sẽ đến. Nếu có nhiều khúc quanh, ngoắt ngoéo, sẽ chẳng dễ gì kiếm lối được, dễ bị lạc đường! Quý vị tu pháp môn này chẳng đến nỗi lạc lối. Nói cách khác, tu các pháp môn khác, ma chướng rất nhiều, dễ gặp ma chướng. Tu pháp môn này dễ dàng, vì pháp môn này là con đường thẳng, chỉ cần quý vị thật sự tin là được rồi! Hạ quyết tâm chẳng thay đổi chủ ý, sẽ chẳng đến nỗi chuốc lấy ma chướng, pháp này dễ dàng hơn rất nhiều!

(Sớ) Trực tiếp tắt đi đáo, dụ niệm Phật tốc siêu sanh tử.

(疏) 直捷則易到，喻念佛速超生死。

(Sớ: Thẳng tắt sẽ dễ đến, ví như niệm Phật mau vượt thoát sanh tử).

Pháp môn này là pháp môn thẳng chóng. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy: Người đầu tiên từ nhục thân mà thành Phật trong một đời là Thiện Tài đồng tử, vì sao Ngài có thể làm được? Ngài tu pháp môn thẳng chóng này! Trong kinh Hoa Nghiêm, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ thuộc thế giới Hoa Tạng tu những pháp môn khác, đến cuối cùng Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn họ về Cực Lạc. Bọn họ đi vòng vèo quanh co về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nhìn từ kinh Hoa Nghiêm, Tây Phương Cực Lạc thế giới là chỗ quy y cuối cùng trong Đại Thừa Phật pháp. Bất luận quý vị tu một pháp môn nào, đến cuối cùng đều quay về Tây Phương Tịnh Độ. Đã quay về Tây Phương Tịnh Độ thì niệm A Di Đà Phật là phương pháp thẳng chóng nhất. Chúng ta phải nên hiểu điều này! Dưới đây, Ngài dẫn một đoạn công án.

(Sớ) Như Vy Đề Hy, diệt biến quán thập phương thế giới, nhi duy nguyện sanh Cực Lạc đã.

(疏) 如韋提希，亦遍觀十方世界，而惟願生極樂也。

(Sớ: Như bà Vy Đề Hy cũng quán khắp mười phương thế giới, nhưng chỉ nguyện sanh về Cực Lạc).

Đây là một thí dụ hết sức rõ rệt! Phu nhân Vy Đề Hy (Vaidehi) cũng thuộc dòng dõi vua chúa. Trong thời đức Phật tại thế, bà ta là mẹ của vua A Xà Thế (Ajatasatru). Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh được nói ra là do nhân duyên này.

(Diễn) Vy Đề biến quán nguyện sanh Cực Lạc giả.

(演) 韋提遍觀願生極樂者。

(Diễn: “Vy Đề Hy quán khắp [mười phương thế giới chư Phật], nguyện sanh về Cực Lạc” là...)

Bà ta gặp nạn, con bất hiếu, cầu kết với Đề Bà Đạt Đa. Đề Bà Đạt Đa muốn hại Thích Ca Mâu Ni Phật, chính mình muốn làm vị Phật mới, xúi giục A Xà Thế phản bội cha, mưu hại cha ruột, tự mình đoạt lấy ngôi vua, trở thành tân vương, Hai người âm mưu với nhau, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Mẹ ông ta bị giam chặt trong cung cấm, chẳng cho ai đến thăm viếng. Bà ta là một đệ tử kiên thành của Phật, ở trong cung không biết làm sao, bèn hướng lên hư không van vái, cầu xin Thích Ca Mâu Ni Phật cứu bà ta. Đức Phật biết chuyện này, liền phái vị [đệ tử] thần thông đệ nhất là Mục Kiền Liên đi thăm bà, rồi đích thân đức Thế Tôn cũng đến hoàng cung.

(Diễn) Thế Tôn từ đỉnh đầu phóng quang, chiếu thập phương giới.

(演) 世尊從頂放光，照十方界。

(Diễn: Đức Thế Tôn từ đỉnh đầu phóng quanh, chiếu mười phương cõi nước).

Đức Thế Tôn thị hiện thần thông.

(Diễn) Phục thân bảo quang, kết vi kim đài, kỳ trung phổ hiện thập phương Phật độ, linh Vy Đề biến quán, Vy Đề độc nguyện sanh u Cực Lạc dã.

(演)復收寶光，結為金臺，其中普現十方佛土，令韋提遍觀，韋提獨願生於極樂也。

(Diễn: Lại thân quang minh báu, kết thành đài vàng, trong ấy hiện khắp các cõi Phật trong mười phương, bảo Vy Đề Hy hãy nhìn tròn khắp, nhưng Vy Đề Hy chỉ mong sanh vào Cực Lạc).

Thích Ca Mâu Ni Phật dùng sức thần thông thị hiện, đem toàn bộ Tịnh Độ của mười phương chư Phật thị hiện trong không trung cho phu nhân Vy Đề Hy đều có thể thấy được. [Đức Phật dạy]: “Sau khi nhìn xong, bà hãy tự chọn lựa thế giới của vị Phật nào mà bà ưa thích”. Phu nhân Vy Đề Hy nhìn từng cõi xong, chọn Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đức Phật dạy cho bà ta phương pháp cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, dùng phương pháp Quán Tưởng. Vì thế, Thập Lục Quán Kinh là do Thích Ca Mâu Ni Phật nói với phu nhân Vy Đề Hy, truyền xuống như vậy, bà ta nguyện sanh Cực Lạc.

(Sớ) Đắc thường kiến Phật giả, Khởi Tín Luận ký thị Chân Như tam-muội, cập nhị môn Chỉ Quán cánh, phục vân: “Hữu sơ học thị pháp, kỳ tâm khiếp nhược. Dĩ Sa Bà bất thường trị Phật, cụ vị tín tâm nan tựu. Như Lai hữu thắng phương tiện, nhiếp hộ tín tâm, vị chuyên ý niệm Phật, tức sanh Phật độ, thường kiến ư Phật. Như Tu Đa La thuyết: “Chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, tức đắc vãng sanh, chung vô hữu thoái”. Thử kinh tắc thất nhất tâm, Phật hiện tại tiền, thị dã. Cổ tri Linh Sơn dĩ quá, Long Hoa vị lai, vô Phật thế trung nhi đắc kiến Phật, thị danh tối thắng đệ nhất phương tiện.

(疏)得常見佛者，起信論既示真如三昧，及二門止觀竟。復云：有初學是法，其心怯弱，以娑婆不常值佛，懼謂信心難就。如來有勝方便，攝護信心，謂專意念佛，即生佛土，常見於佛。如修多羅說：專念西方極樂世界阿彌陀佛，即得往生，終無有退，此經則七日一心，佛現在前，是也。故知靈山已過，龍華未來，無佛世中而得見佛，是名最勝第一方便。

(Sớ: “Thường được thấy Phật”: Khởi Tín Luận đã dạy Chân Như tam-muội và hai môn Chỉ - Quán xong, lại nói: “Có kẻ mới học pháp này, tâm kẻ ấy khiếp hãi, yếu ớt, vì trong cõi Sa Bà chẳng thường gặp Phật, hoảng sợ cho rằng tín tâm khó trọn. Như Lai bèn có phương tiện thù thắng để nhiếp trì, bảo vệ tín tâm, đó là: Dốc trọn ý niệm Phật, liền được sanh vào cõi Phật, thường thấy Phật. Như kinh có dạy: “Chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, liền được vãng sanh, trọn chẳng thoái chuyển”. Kinh này nói bảy ngày nhất tâm, Phật bèn hiện ra trước

mặt, chính là nói tới ý đó. Vì thế biết: Hội Linh Sơn đã qua, thời Long Hoa chưa tới, trong đời không có Phật mà được thấy Phật, nên gọi là phương tiện tối thắng bậc nhất).

“*Tu Đa La*” là Kinh, “*Linh Sơn dĩ quá*” là Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ. “*Long Hoa vị lai*” là nói Di Lặc Phật chưa ra đời. Trước tiên, đại sư dẫn lời văn từ Khởi Tín Luận để nói. Chân Như tam-muội và “*hai môn Chỉ Quán*” đều là những thứ hàng sơ học chúng ta mong đạt được. Chân Như tam-muội là gì? Chúng ta phải nhận biết chính xác định nghĩa của danh từ thuật ngữ này. Chân Như (Tathāta) là tiếng Phạn dịch ra, Chân là chẳng vọng, Như là Sự và Lý hoàn toàn tương ứng. Ví như “*dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”, Tánh giống như Tướng, Tướng giống như Tánh, nhất như, vô nhị như. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật nói mười món như thị (thập như thị), đây là nói về Chân Như. “*Tam-muội*” (Samādhi) là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là Chánh Thọ, tức sự hưởng thụ đúng mức, bình thường. Đúng mức, bình thường là gì? Ngoài chẳng chấp tướng, trong tâm bất động. Sự thụ dụng ấy đúng mức, bình thường. Nếu chấp tướng động tâm sự cảm nhận ấy không đúng mức, bất bình thường! Năm thứ cảm nhận “khổ, lạc, ưu, hỷ, xả” là những thứ hưởng thụ không đúng mức, bất bình thường của phàm phu trong tam giới lục đạo. Sự hưởng thụ của chư Phật, Bồ Tát, A La Hán là đúng mức, bình thường, trong tâm các Ngài không có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, đối với hết thấy pháp đều có cái nhìn bình đẳng. Vì sao? Không có một pháp nào chẳng thật, không có một pháp nào chẳng Như!

(Diễn) Chân Như tam-muội, hữu chánh quán, hữu phương tiện.

(演) 真如三昧，有正觀、有方便。

(Diễn: Chân Như tam-muội có chánh quán và phương tiện).

Tức là nói Chân Như tam-muội gồm hai thứ.

(Diễn) Chánh Quán, tức pháp giới nhất tướng, nhất thiết chư pháp, bình đẳng vô nhị.

(演) 正觀，即法界一相，一切諸法，平等無二。

(Diễn: Chánh Quán là pháp giới một tướng, hết thấy các pháp bình đẳng không hai).

Đây là Chánh Quán. Quý vị biết hết thấy pháp bình đẳng, không hai. Do vậy, trong hết thấy các pháp quý vị mới chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, vì sao? Nó là một, không hai, khởi tâm động niệm liền rớt vào hai, ba. Nếu khi nó đã là một, chắc chắn chẳng có khởi tâm động niệm, đó là Chánh Quán. Chúng ta niệm Phật, niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì mới có thể nhập cảnh giới này, đó gọi là “chứng nhập”, thật sự được thụ dụng, là “chứng ngộ”. Phương tiện là nói tới giải ngộ; tuy được thụ dụng, nhưng không chân thành, thiết tha như trong phần trên (tức chứng ngộ), chưa thật sự được như vậy.

(Diễn) *Phương tiện giả, vị thôi cầu Ngũ Âm Sắc chi dữ tâm, chung bất khả đắc.*

(演) 方便者，謂推求五陰色之與心，終不可得。

(Diễn: *Phương tiện là truy tìm Ngũ Âm, sắc và tâm, trọn chẳng thể được!*)

Ví như Tâm Kinh nói “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”, đây chính là Phương Tiện Chân Như tam-muội. Kinh Kim Cang nói: Tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai, “*ba tâm chẳng thể được*”. Tâm quá khứ đã qua đi, tâm hiện tại chẳng trụ. Nói tới hiện tại thì hiện tại đã trở thành quá khứ, tâm vị lai vẫn chưa sanh, vẫn chưa xảy đến. Ba tâm đều chẳng thể được. Thử hỏi quý vị dùng cái tâm nào? Quả thật chẳng thể được! Suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, về căn bản là không có chuyện ấy, tự sanh phiền não! Trong hoàn toàn hư vọng, tự mình cho là có chuyện như vậy, thật sự là không, quyết định là hư vọng.

(Diễn) *Nhược năng quán sát tri tâm vô niệm, tức đắc tùy thuận nhập Chân Như môn cố.*

(演) 若能觀察知心無念，即得隨順入真如門故。

(Diễn: *Nếu có thể quán sát biết tâm vô niệm, liền được tùy thuận nhập Chân Như môn*).

Nếu bản thân chúng ta có thể khéo quán sát thì đây là “*quán chiếu*” như trong Phật môn thường nói. “*Quán sát*” là quán chiếu, biết chân tâm vô niệm, bốn tánh vô niệm. Lục Tổ nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”. Vốn chẳng có ý niệm, hữu niệm là có vọng niệm. Vốn là vô niệm, ý niệm của quý vị sẽ ngưng dứt, dứt hết thấy vọng niệm, chân tâm bốn tánh của quý vị sẽ hiện tiền; đây là Chân Như tam-muội

hiện tiền, chẳng khác gì chư Phật, Bồ Tát. Đây là nói về Chân Như tam-muội.

(Diễn) Nhị môn Chỉ Quán giả.

(演) 二門止觀者。

(Diễn: Hai môn Chỉ và Quán là...)

Đây đều là nguyên tắc trong dụng công, mà cũng là đại cương của pháp môn. Chính là vì từ pháp môn này có thể chia thành rất nhiều pháp môn, có thể gọi nó là tổng cương lãnh của các pháp môn.

(Diễn) Chỉ, vị chỉ nhất thiết cảnh giới tướng.

(演) 止，謂止一切境界相。

(Diễn: “Chỉ” là dứt hết thấy các tướng cảnh giới).

“Chỉ” là đình chỉ, ngưng nghỉ. Ngưng cái gì? Ngưng hết thấy vọng niệm, tức là Định, tức là nhất tâm, “ngưng hết thấy các tướng cảnh giới”.

(Diễn) Hữu ly cảnh, trừ tâm, nhị pháp.

(演) 有離境、除心，二法。

(Diễn: Có hai pháp Chỉ là lìa cảnh và trừ tâm).

Hai thứ phương pháp, một là “lìa cảnh”, hai là “trừ tâm”. Giống như cách tu hành của người Tiểu Thừa. Người mới học quá nửa là dùng phương pháp lìa cảnh, vì sao? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn khởi vọng niệm, vậy thì làm sao? Tìm nơi núi sâu chẳng in dấu chân người, tìm nơi ấy để tu hành. Xa lìa cảnh giới thành thị phồn hoa, xa lìa cảnh giới, như vậy thì tâm người ấy sẽ dần dần bình tĩnh. Đây là lý do vì sao người mới học phải trụ nơi tịch tĩnh. A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tịch Tĩnh Xứ. Người tu hành phải chọn lựa nơi này làm đạo tràng, đó là lìa cảnh; nhưng lìa cảnh trị đằng ngọn chứ chưa trị tận gốc. Quan trọng nhất là trừ tâm. Trừ tâm là trừ bỏ phân biệt, vọng tưởng, chấp trước trong tâm, đó mới là căn bản. Trong Chỉ lại có nhiều phương pháp, phía sau sẽ còn nói thêm.

Nếu nói đến Quán thì Quán là quán chiếu, tức là vận dụng trí huệ, còn Chỉ đặt nặng nơi Định, dùng công phu định lực. Quán là dùng trí huệ để quán chiếu.

(Diễn) Quán vị phân biệt nhân duyên sanh diệt tướng.

(演) 觀謂分別因緣生滅相。

(Diễn: Quán là phân biệt tướng nhân duyên sanh diệt).

“*Quán sát*” chính là quán sát hết thấy pháp, hết thấy các pháp đều từ nhân duyên sanh và cũng do nhân duyên mà diệt. Nói cách khác, nếu quý vị nhận biết hết thấy các pháp không có tự thể, thì đó là cách quán sát trí huệ. Chúng ta thường nói “*thấy thấu suốt, buông xuống*”, Chỉ là buông xuống, Quán là thấy thấu suốt. Vì thế, Chỉ và Quán đôi bên giúp đỡ lẫn nhau, giúp cho nhau thành tựu: Buông xuống giúp quý vị thấy thấu suốt, thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống. Quý vị thật sự có thể thấy hết thấy các pháp do nhân duyên sanh và do nhân duyên mà diệt; nói cách khác, hết thấy các pháp không có tự tánh, không có tự thể độc lập.

Nói tới “nhân duyên” thì có rất nhiều điều kiện kết hợp thành, nó không có tự thể. Hiện thời khoa học phát triển, chúng ta đối với hết thấy vật thể, hết thấy hình tướng, cho đến hết thấy sinh vật đều có sự hiểu biết khá khá, tuy hiểu biết chúng, nhưng vẫn chưa giác ngộ, vẫn mê nơi đó. Quán là dùng trí huệ chân chánh. Quán rồi phải giác ngộ. Giác ngộ hết thấy pháp vốn không có tự tánh; do vậy, đối với hết thấy các pháp chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, thật sự buông xuống. Đó là tác dụng của Quán.

(Diễn) Hữu pháp tướng, đại bi, đại nguyện, tinh tấn, tứ hạnh.

(演) 有法相、大悲、大願、精進，四行。

(Diễn: Quán có bốn hạnh là pháp tướng, đại bi, đại nguyện và tinh tấn).

Có bốn thứ phương pháp tu hành.

(Diễn) Thị pháp, chỉ tu hành ngũ môn.

(演) 是法，指修行五門。

(Diễn: Chữ “thị pháp” (pháp này) [trong đoạn văn trích dẫn từ Khởi Tín Luận trong lời Sớ] chỉ năm môn tu hành).

“Phục vân” là lại nói. “*Hữu sơ học thị pháp, kỳ tâm khiếp nhược*” (lại có kẻ mới học pháp này, tâm kẻ ấy kinh hãi, yếu ớt): Đối với câu “sơ

học thị pháp”, lời chú giải giảng: “*Chữ ‘thị pháp’ chỉ năm môn tu hành*”, [năm môn tu hành] chính là Bồ Thái, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn và Chỉ Quán. Chỉ Quán là Thiền Định, [“năm môn”] là những phương pháp tu hành ấy.

(Diễn) *Sơ học thị pháp giả, chỉ Bất Định Tu chúng sanh, tu tín vị mãn giả.*

(Động) 初學是法者，指不定聚眾生，修信未滿者。

(Diễn): Từ ngữ “*kẻ mới học pháp này*” chỉ Bất Định Tu chúng sanh, thuộc địa vị tu tín chưa viên mãn).

Đây là nói tới kẻ mới học. “*Bất Định Tu*” là tâm quý vị còn do dự, chưa định, lúc nghĩ học cái này, lúc toan học cái khác, nghe nói cái này cũng hay lắm, cái kia cũng khá, đó gọi là “*Bất Định Tu*”. Đây là hiện tượng của kẻ mới học. Khi nào tâm quý vị định lại, công phu của quý vị mới đắc lực. Nếu đối với pháp môn, tâm quý vị do dự, chẳng dứt khoát, bất luận quý vị tu pháp môn nào, bất luận quý vị tu trong một thời gian lâu chừng nào, công phu chẳng đắc lực, giống như con phù du trên mặt nước, vật vờ cuốn theo chiều gió, chẳng có cội rễ! Nhất định phải chọn lấy một pháp môn trong hết thảy các pháp môn, cố định tại một pháp môn. Tu học như thế, quý vị sẽ nhận thấy công phu dần dần đắc lực, cảnh giới mỗi năm mỗi khác, mỗi tháng chẳng giống nhau. Thậm chí quý vị xem kinh, mỗi ngày có ngộ xứ, cùng là một bộ kinh mà mỗi lần xem là một lần thấy được ý nghĩa mới mẻ, đây là quý vị có sở đắc. Không có cảnh giới ấy, chứng tỏ tâm quý vị vẫn chưa định. Chân tâm thật sự định thì hằng ngày niệm Phật hiệu, thân tâm càng sung sướng, mỗi lúc đọc kinh thì lần nào đọc cũng đều có ngộ xứ. Đích xác khác hẳn!

(Diễn) *Kỳ tâm khiếp nhược, thị tâm ký liệt, Sa Bà bất thường tri Phật, thị ngoại khuyết thắng duyên, cố tín hạnh nan thành, tương dục thoái dã.*

(Động) 其心怯弱，是心既劣，娑婆不常值佛，是外缺勝緣，故信行難成，將欲退也。

(Diễn): Tâm kẻ ấy khiếp nhược là cái tâm đã kém hèn. Sa Bà chẳng thường gặp Phật là bên ngoài thiếu duyên thù thắng, vì thế, tín hạnh khó thành, sắp bị thoái chuyển).

Kẻ Bất Định Tự công phu tiến tiến, lùi lùi, thường là tiến ít, lùi nhiều, đây là hiện tượng nơi đại đa số con người. Còn tiến nhiều, lùi ít là do quý vị đời quá khứ túc căn sâu dày. Hôm nay đã hết thời gian rồi!